

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 17-5-2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLPT-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung”; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2023/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2024/QĐ-PT, ngày 12 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1981; Có mặt. Nơi cư trú: 14A đường số 59 ĐBP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983; Có mặt. Nơi cư trú: 14A đường số 59 ĐBP, khu phố NT, phường NS, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1979; Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 145/1, hẻm 16 BL, khu phố Ninh Trung, phường NS, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Ánh Nguyệt, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số 49 đường PT, khu phố I, phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo pháp luật: Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Thanh Tuấn – Phó giám đốc. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-7-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh B không chăm lo cho gia đình và sống ly thân cho đến nay. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên Nguyễn Võ Đoan T, sinh năm 2008; Nguyễn Võ Đăng K1, sinh năm 2009 và Nguyễn Võ Đăng K2, sinh năm 2011. Chị H yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: 01 phần đất thửa 2045, tờ bản đồ số 10 đất tại ấp 5, xã TV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Giấy CNQSDĐ đứng tên chị H và anh B. Chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tây Ninh 300.000.000 đồng, thế chấp phần đất trên. Chị H không yêu cầu giải quyết nợ chung. Ngoài ra, không còn nợ ai khác.

Chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu chị và anh B trả 700.000.000 đồng và lãi suất. Trước đây chị H và anh B có mượn tiền chị N nhưng đã thanh toán xong, theo đơn khởi kiện của chị N thì chị H hoàn toàn không biết khoản vay này, không có ký giấy nợ vì lúc anh B mượn tiền chị N là anh B và chị H đã ly thân.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-12-2023:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Từ sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, ly thân khoảng năm 2020 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Võ Đoan T, sinh năm 2008; Nguyễn Võ Đăng K1, sinh năm 2009 và Nguyễn Võ Đăng K2, sinh năm 2011. Anh B đồng ý giao con cho Chị H nuôi dưỡng.

Tài sản chung: 01 phần đất thửa 2045, tờ bản đồ số 10 đất tại ấp 5, xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Giấy CNQSDĐ đứng tên anh B và chị H. Nguồn gốc phần đất này là do hai vợ chồng nhận chuyển nhượng. Anh B đồng ý chia tài sản, giao đất cho chị H quản lý.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tây Ninh 300.000.000 đồng, thế chấp phần đất trên. Anh B đồng ý trả nợ.

Anh B trước đây có vay tiền chị N nhưng đã thanh toán xong, theo đơn khởi kiện chị N anh B xác nhận hiện nay còn nợ lại 700.000.000 đồng này, anh có ký và viết giấy nợ. Anh B vay tiền mục đích để buôn bán mì lát nhưng thua lỗ nên không có khả năng trả chị N. Khi mượn tiền thì vợ chồng anh, chị ly thân nên không có báo cho chị H biết, anh B xác nhận đây là khoản nợ riêng. Anh B đồng ý trả khoản tiền này cho chị N, chị H không liên quan khoản nợ này.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trình bày:

Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án ly hôn giữa chị H và anh B do bên vay vốn thế chấp tài sản có cam kết trả nợ cho Ngân hàng.

Chị Lê Thị Tuyết N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, thông gia với anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H nên chị N có cho anh B, chị H vay tiền nhiều lần để làm ăn, cụ thể là kinh doanh dịch vụ chăm sóc thú y, mở cửa hàng thời trang tại nhà, chi phí cho 03 đứa con đi học và chi phí sinh hoạt của gia đình. Tổng số tiền gốc anh B, chị H đã vay của chị N là 700.000.000 đồng, anh B là người trực tiếp xuống nhà chị N lấy tiền và viết giấy nợ cho chị N nên chị N không gặp được chị H và do chị N tin tưởng vợ chồng anh B nên không yêu cầu chị H ký giấy nợ. Trước đó,

chị H cũng có vay tiền của chị N để làm ăn nhưng đã giải quyết xong. Khi vay, anh B và chị H không có cầm cố, thế chấp tài sản hay đưa giấy tờ gì cho chị N để làm tin.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B và chị H trả số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày khởi kiện cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Căn cứ Điều 27, 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 157, 161 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Võ Đoan T, sinh năm 2008, Nguyễn Võ Đăng K1, sinh năm 2009 và Nguyễn Võ Đăng K2, sinh năm 2011 cho chị Võ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện “Chia tài sản khi ly hôn”. Chị Võ Thị H có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Tuyết N 731.111.000 (Bảy trăm ba mươi một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi là 31.111.000 (Ba mươi một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, thẩm định giá; giám định; án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, chị Võ Thị H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm: không chấp yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N về khoản nợ vay 700.000.000 đồng đối với chị Võ Thị H. Buộc anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Thị Tuyết N 731.111.000

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Võ Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị H, sửa Bản án sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh không buộc Chị H cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị N số tiền 731.111.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của chị Võ Thị H, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 01 năm 2024, chị Võ Thị H kháng cáo. Trình tự thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại cấp sơ thẩm chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

Giao 03 con chung tên Nguyễn Võ Đoan T, sinh năm 2008; Nguyễn Võ Đăng K1, sinh năm 2009 và Nguyễn Võ Đăng K2, sinh năm 2011 cho chị Võ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện “Chia tài sản khi ly hôn”.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Tuyết N 731.111.000 (Bảy trăm ba mươi một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng.

Chị Võ Thị H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm; không đồng ý cùng anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Thị Tuyết N 731.111.000, mà chỉ một anh B trả nợ cho chị N.

[2.2] Xét kháng cáo của chị Võ Thị H thấy rằng: Chị N khởi kiện yêu cầu anh B và chị H trả 700.000.000 đồng và lãi suất, chị N cung cấp chứng cứ sau: Các bản chính giấy nợ ngày 09-9-2022 mượn 100.000.000 đồng, ngày 22-9-2022 mượn 100.000.000 đồng, ngày 24-9-2022 mượn 100.000.000 đồng, ngày 05-10-2022 mượn 400.000.000 đồng, tổng cộng là 700.000.000 đồng, anh B xác nhận anh B là người viết và ký tên trong các giấy nợ nêu trên, chị H không biết,

không ký. Theo chị H khai trước đây anh chị cũng có vay tiền chị N đã trả xong, anh B xác nhận vay tiền để thu mua bán mì lát bị thua lỗ. Mối quan hệ giữa chị N và anh B, chị H là thông gia nên có sự tin tưởng, chị N chỉ cho mình anh B ký tên nhận nợ do tin tưởng là có cơ sở. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 27-11-2023 xác định anh B vẫn còn hộ khẩu và sinh sống tại địa phương; tại đơn khởi kiện xin ly hôn chị Võ Thị H ghi về nợ chung: “có nợ Ngân hàng công thương Việt Nam 300.000.000 đồng và nhiều nợ chung khác”. Trong thời gian giải quyết ở cấp sơ thẩm chị H không cung cấp tên các chủ nợ khác, chỉ có chị N khởi kiện chị H anh B trả nợ. Khoản tiền vay chị N được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, anh B và chị H không chứng minh được khoản nợ là nợ riêng của anh B. Từ những căn cứ trên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N: Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Tuyết N 731.111.000 (Bảy trăm ba mươi một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi là 31.111.000 (Ba mươi một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng là hợp lý. Chị Võ Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng .

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 157, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Võ Đoan T, sinh năm 2008; Nguyễn Võ Đăng K1, sinh năm 2009 và Nguyễn Võ Đăng K2, sinh năm 2011 cho chị Võ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện “Chia tài sản khi ly hôn”. Chị Võ Thị H có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Tuyết N 731.111.000 (Bảy trăm ba mươi một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi là 31.111.000 (Ba mươi một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về chi phí tố tụng:

Chị Võ Thị H chịu 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng chi phí đo đạc, thẩm định giá. Chị H đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Tuyết N 8.000.000 (Tám triệu) đồng chi phí giám định.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả chị Lê Thị Tuyết N 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002286 ngày 11-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Chị Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh B và Chị H phải chịu 33.244.400 (Ba mươi triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 2.800.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002308 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Chị H và anh B nộp thêm 30.444.400 (Ba mươi triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm) đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 002264 ngày 03-01-2024.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Tuấn Vũ